

HỆ THỐNG KIỀU LỘ HOA KỲ

Bùi Thanh Dương

Hệ thống Kiểu Lộ Hoa Kỳ thật là vĩ đại và tốn kém nhất trên thế giới. Đường sá chằng chịt tại các đô thị lớn và cả những vùng thôn quê hẻo lánh, vì xe cộ là phương tiện lưu thông rất phổ thông tại Hoa Kỳ.

Tại Bộ Giao Thông Hoa Kỳ (US DOT) ở thủ đô Hoa Thịnh Đốn, Cơ Quan Quản Trị Kiểu Lộ Liên Bang (FHWA) phối hợp và điều hành việc quản trị hệ thống kiểu lộ toàn quốc.

Trong tầm vóc quá to lớn như vậy, thiết tưởng chúng ta cũng nên tìm hiểu biết qua một số tài liệu thống kê mới nhất hiện nay tại Hoa Kỳ.

I. Hệ thống Cầu Đường :

1. Chiều dài và xử dụng

Tổng số chiều dài các đường sá lớn và nhỏ tại Hoa Kỳ, tính đến năm 2000, vào khoảng 3,951,098 miles. Đường sá toàn quốc được phân loại như sau:

- a. Xa lộ chính hay huyết mạch (Arterials):
 - Xuyên bang (Interstate) = 46,667 miles (1.2% đường sá toàn quốc)
 - Nội bang (Intrastate) = 389,925 miles (9.9% toàn quốc)
- b. Xa lộ phụ hay tiếp nối (Collectors): = 795,208 miles (20.1% toàn quốc)
(Tiếp nối xa lộ chính và địa phương)
- c. Đường sá địa phương (Locals) = 2,719,288 miles (68.8% toàn quốc)

Tổng cộng = 3,951,098 miles (chiều dài đường sá toàn quốc)

Trên đây là tính theo chiều dài. Nếu tính theo sự sử dụng đường sá, thì hệ thống Xa lộ huyết mạch (Xuyên bang và Nội bang) chiếm vào khoảng 72.1% sử dụng lưu thông toàn quốc, mặc dù tính theo chiều dài chỉ có 11.1% toàn quốc. Riêng Xa lộ Xuyên bang chiếm vào khoảng 24.1% sử dụng lưu thông toàn quốc, mặc dù tính theo chiều dài chỉ có 1.2% toàn quốc. Còn đường sá địa phương, tuy chiều dài đến 68.8% toàn quốc, nhưng chỉ chiếm vào khoảng 13.2% sử dụng lưu thông toàn quốc.

Nếu phân loại đường sá theo thành thị và thôn quê thì:

Thành thị: 707, 248 miles (17.9% chiều dài toàn quốc)

Thôn quê: 3,243,850 miles (82.1% chiều dài toàn quốc)

Đường sá thành thị, tuy chỉ chiếm 17.9% chiều dài, nhưng được sử dụng đến 58.8% lưu thông toàn quốc.

2. Chủ quyền đường sá

Hầu hết 3,038,150 miles (77.4%) đường sá toàn quốc thuộc chủ quyền và kiểm soát của chính quyền Địa phương (thị xã, thành phố, quận). Chỉ có 118,500 miles (3.0%) đường sá toàn quốc thuộc Chính phủ Liên bang và bao gồm cả một số đường sá ở trong các rừng núi và công viên quốc gia, cũng như trong các khu vực quân sự, vùng dân da đỏ, v.v. Phần còn lại 774,415 miles (19.6%) đường sá, kể cả hệ thống xa lộ Xuyên bang, là thuộc chủ quyền của các Tiểu bang.

3. Tài trợ ngân sách của Liên Bang

Ngoài các hệ thống đường chính Xuyên bang (Interstate system), chính phủ Liên bang còn tài trợ cho một số đoạn đường sá cho các tiểu bang và địa phương hội đủ điều kiện để hưởng chương trình tài trợ kiều lộ. Hệ thống kiều lộ được tài trợ này chiếm độ 21.84% (862,920 miles) tổng số đường sá, nhưng mức độ sử dụng lưu thông chiếm đến 79.07%.

4. Cấu tạo lớp mặt đường

Vào khoảng 1,778,000 miles hay 45% đường sá toàn quốc chưa có lớp nhựa mặt. Phần còn lại độ 2,173,100 miles hay 55% đường sá toàn quốc được tráng nhựa với nhiều loại nhựa khác nhau hoặc với xi măng Portland (PCC pavement).

5. Hệ thống Cầu

Hoa Kỳ có tất cả toàn quốc vào khoảng 585,542 cầu lớn nhỏ và đủ loại kiến trúc. Hiện nay có độ 23% số cầu này đang ở vào tình trạng sử dụng hạn chế hoặc không còn sử dụng được. Cầu sử dụng hạn chế bằng cách gắn bảng hạn chế trọng lượng vận tải hay hạn chế vận tốc lưu thông vì có vài bộ phận của cầu bị hư hỏng v.v., nhưng vẫn còn an toàn cho lưu thông hạn chế.

Cầu không còn sử dụng được không có nghĩa là không còn an toàn với tất cả các loại xe cộ, mà có nghĩa là đồ án kiến thiết cầu này quá cũ, không còn thích hợp và đủ khả năng nhận thêm lưu lượng lớn hơn hoặc không còn khả năng sử dụng với kích thước lớn hơn hoặc trọng lượng nặng hơn của các xe hiện đại nữa. Chính quyền liên bang tài trợ độ 271,300 cầu, còn chính quyền tiểu bang hoặc địa phương đài thọ ngân sách cho độ 314,242 cầu.

II. Hệ thống Xe Cộ:

1. Đăng ký xe cộ

Tổng số tất cả các loại xe cộ đăng ký trong toàn quốc Hoa Kỳ lên đến vào khoảng 225,600,000 xe đủ loại trong năm 2000 (so với 30 triệu trong năm 1944, và 188 triệu trong năm 1990). Số xe cộ đăng ký trong năm 2000 được phân loại như sau:

• Xe hơi du lịch :	133.6 triệu chiếc
• Xe buýt (đủ loại):	0.7 triệu
• Xe vận tải (nặng và nhẹ):	87.0 triệu
• Xe động cơ hai bánh:	4.3 triệu
Tổng cộng:	225.6 triệu chiếc

Do đó, tính trung bình mỗi người dân ở Hoa Kỳ có thể xem như có một chiếc xe.

2. Thị trường xe cộ

Tất cả các loại xe cộ bán ra ở Hoa Kỳ chiếm mức độ cao nhất là 17,812,000 chiếc xe đủ loại trong năm 2000. Trong số này, xe hơi du lịch chiếm độ 12,504,000 chiếc (70.2%), còn xe vận tải và các loại xe khác chiếm độ 5,308,000 chiếc (29.8%).

Giá trung bình của một chiếc xe mới trong năm 2000 ước tính vào khoảng \$20,000 (so với \$13,000 trong năm 1986). Sau đây là giá trung bình của một chiếc xe mới trong các năm:

1970:	\$3,600	1973:	\$4,000	1976:	\$5,600
1979:	\$6,700	1982:	\$9,800	1984:	\$11,200

3. Sở hữu chủ xe cộ

Theo tài liệu của Sở Nghiên Cứu Giao Thông toàn quốc, trong năm 1983-1985, trung bình sở hữu chủ số xe theo dân số như sau:

13% dân số có:	0 chiếc xe
34% - :	1 -
34% - :	2 -
13% - :	3 -
6% - :	4 chiếc xe hay trên 4 chiếc

So sánh với vài nước khác, theo dân số, ta thấy trung bình :

Năm 2000:	1 dân Hoa Kỳ có 1 xe hơi
Năm 1981:	15 dân Pháp có 1 xe hơi
Năm 1982:	33 dân Nga có 1 xe hơi
Năm 1981:	547 dân Việt Nam có 1 xe hơi

4. Bằng lái xe

Trong năm 2000, có vào khoảng 190,625,023 người có bằng lái xe trong nước Hoa Kỳ. Có sự gia tăng vào khoảng 23.73% so với năm 1980 và gia tăng 12.39% so với năm 1990, và được tính như sau:

a. Theo tuổi tác:

Dưới 19 tuổi :	9%
Từ 25-29 tuổi:	17%
Từ 35-44 tuổi:	21% (nhiều nhất)
Từ 65-79 tuổi:	7%
Từ 80-84 tuổi:	3.5%
Từ 85-trở lên:	2%

b. Theo phái Nam Nữ: Trong năm 1986, có độ 76,100,000 (48%) bằng lái xe Nữ và độ 82,494,000 (52%) bằng lái xe Nam. Bằng lái xe Nữ tăng vào khoảng 39% từ năm 1980 đến năm 2000, trong khi phái Nam chỉ tăng 24%. Trong năm 1975, số xe đăng ký nhiều hơn số bằng lái xe và cứ tiếp tục như vậy cho đến ngày nay. Phái Nam lái xe nhiều hơn phái Nữ, vào khoảng 6,500 miles nhiều hơn trong mỗi năm cho mỗi người. Trung bình, một người phái Nam lái vào khoảng 15,000 miles mỗi năm.

5. Nhiên liệu tiêu thụ

Trong năm 2000, số lượng xăng (gasoline) tiêu thụ cho xe hơi (tăng theo số lượng xe) tính vào khoảng 128.0 tỷ gallons (năm 1970 = 85.6 tỷ Gallons; năm 1986 = 107.1 tỷ Gallons). Số lượng dầu cặn (diesel fuel) trong năm 2000, dùng cho xe vận tải ước tính vào khoảng 34.3 tỷ gallons (năm 1970 = 6.7 tỷ Gallons; năm 1986 = 18.6 tỷ Gallons). Tổng cộng số nhiên liệu tiêu thụ (xăng và diesel) cho tất cả các loại xe, trong năm 2000, vào khoảng 162.3 tỷ gallons (năm 1970 = 92.3 tỷ Gallons; năm 1986 = 125.7 tỷ Gallons), mặc dù xe hơi chế tạo càng ngày càng giảm nhiên liệu tiêu thụ.

6. Phương tiện giao thông

Phương tiện giao thông cá nhân, bằng xe cộ đủ loại, trung bình chiếm vào khoảng 91.2% của tất cả các phương tiện giao thông. Còn phương tiện giao thông công cộng chiếm vào khoảng 8.8%, trung bình được phân chia như sau:

máy bay :	3.4%	-taxi:	0.1%	-đi xe đạp:	0.1%	-linh tinh:	1.7%
xe lửa:	0.5%	-đi bộ:	0.3%	-xe buýt:	2.7%		

7. Chi phí vận chuyển

Trong ngân sách gia đình, sau chi phí về nhà cửa (độ 33%), là chi phí vận chuyển chiếm vào khoảng 19%; tiếp theo là chi phí thực phẩm (độ 14%), chi phí sức khoẻ (5%), quần áo và dịch vụ (4%), còn lại 25% là các chi phí linh tinh khác.

8. Tai nạn xe cộ

Tai nạn tử vong giảm từ năm 1979 với 51,093 vụ, xuống còn 39,230 vụ vào năm 1992. Tuy nhiên, tai nạn tử vong tăng lên 42,387 vụ trong năm 2000. Trong số này, có 13.5% vụ tử vong xảy ra ở xa lộ xuyên bang. Hầu hết ½ số tai nạn tử vong này xảy ra về ban đêm. 🚗